

Bài 12

CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA (TRUNG QUỐC)

(tiếp theo)

Tiết 3 KINH TẾ (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS cần :

1. Kiến thức

- Biết kết quả của hiện đại hoá nông nghiệp.
- Biết được sự phân bố nông nghiệp của Trung Quốc và giải thích được sự phân bố đó.

2. Kỹ năng

Nhận xét, phân tích bảng số liệu, lược đồ (bản đồ) để có được những hiểu biết về sự phát triển và phân bố nông nghiệp trong quá trình hiện đại hoá nông nghiệp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC CẨN THIẾT

- Bản đồ Địa lý tự nhiên châu Á.
- Bản đồ Kinh tế chung Trung Quốc.
- Một số ảnh về hoạt động kinh tế nông nghiệp của Trung Quốc (nếu có).

III. TRỌNG TÂM BÀI

- Các điều kiện của hiện đại hoá nông nghiệp.
- Kết quả của hiện đại hoá nông nghiệp.
- Phân bố nông nghiệp Trung Quốc.
- Trung Quốc và Việt Nam đã và đang xây dựng quan hệ hợp tác trên nhiều lĩnh vực theo tinh thần hữu nghị, ổn định, lâu dài.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mở bài : GV nên yêu cầu HS nhắc lại một số ý về thành tựu trong hiện đại hoá công nghiệp của Trung Quốc để chuyển sang phần hiện đại hoá nông nghiệp.

Mục II. Các ngành kinh tế (tiếp theo)

2. Nông nghiệp

Hoạt động 1 : Tìm hiểu về nông nghiệp

GV có thể chia HS thành các nhóm nhỏ (4 - 6 HS) và yêu cầu thực hiện 1 trong 2 nhiệm vụ bằng cách đọc SGK và thảo luận các ý nêu trong sách cũng như liên hệ kiến thức đã học ở hai bài trước đó. HS có thể liên hệ cả những kiến thức đã tự tích lũy được để trả lời các câu hỏi sau :

- Những điều kiện để phát triển nông nghiệp là gì ?
- Sản xuất nông nghiệp đã đạt kết quả như thế nào ?

GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả làm việc, góp ý, so sánh kết quả của các nhóm và nhận xét đánh giá.

Về những điều kiện phát triển nông nghiệp, HS cần nêu :

- Diện tích đất nông nghiệp lớn, lao động dồi dào.
- Người nông dân được giao quyền sử dụng đất (có mảnh đất của riêng mình), được lựa chọn cây trồng vật nuôi theo tính toán có lợi cho từng gia đình, có trách nhiệm với đất đai và nông phẩm nên lao động tích cực hơn, làm ra nhiều của cải cho xã hội.
 - Nhà nước hỗ trợ để cải thiện cơ sở hạ tầng : cải tạo, xây mới đường giao thông ; hệ thống thuỷ lợi ; cải thiện giống, đưa kỹ thuật mới vào sản xuất.
 - Nhà nước miễn thuế, người nông dân được bán nông phẩm thừa, dành được tiền mua nông cụ, phân bón,... và đồ dùng sinh hoạt, mức sống được nâng lên.

Kết quả của phát triển, hiện đại hoá nông nghiệp :

- Sản lượng một số nông sản có giá trị lớn, chiếm vị trí hàng đầu trên thế giới.
- Đa số các nông sản có sản lượng tăng (lương thực, lạc, mía, bò, lợn...).
- Cơ cấu diện tích cây trồng thay đổi : tỉ lệ diện tích trồng cây lương thực giảm (số lượng tuyệt đối về diện tích trồng lương thực giảm nhưng sản lượng lương thực vẫn tăng) ; diện tích cây lấy hạt có dầu, rau, cây ăn quả có xu hướng tăng tỉ trọng (sản lượng tăng tương ứng), điều đó chứng tỏ chất lượng cây trồng và nhu cầu cuộc sống người dân cũng đang tăng lên.

GV cho HS dựa vào lược đồ phân bố sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc tiếp tục làm việc với nhóm nhỏ để tìm hiểu về sự phân bố nông nghiệp Trung Quốc theo các bước :

– Dựa vào kí hiệu phân bố các vùng sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc, nhận xét sự phân bố của các vùng trồng trọt, chăn nuôi (đồng cỏ) và trồng rừng trên bản đồ hoặc lược đồ trong SGK. HS chỉ cần nêu tên các khu vực lớn, nên gắn với lược đồ địa hình để nhận biết địa danh các vùng. Ví dụ : bồn địa Ta-rim là vùng khô hạn không thuận lợi cho trồng trọt nhưng chăn nuôi được ; vùng bắc lưu vực sông Trường Giang trồng lúa gạo v.v...

– GV gợi ý để HS liên hệ kiến thức địa lý tự nhiên của Trung Quốc, kiến thức về các yếu tố địa lý ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố các loại cây trồng và vật nuôi để giải thích sự phân bố của các vùng nông nghiệp ở Trung Quốc.

– HS dựa vào lược đồ (bản đồ), để nhận xét sự phân bố cây lương thực (lúa mì, lúa gạo), cây công nghiệp (đỗ tương, bông, chè, mía...), một số gia súc (ngựa, cừu, bò, lợn) và khu vực đánh bắt cá,...

– Nhận xét và giải thích về sự khác biệt trong nông nghiệp : miền Đông phát triển trồng trọt, chăn nuôi (bò, lợn), đánh bắt và nuôi trồng thuỷ, hải sản (do có đồng bằng hạ lưu lớn, núi thấp, lượng mưa lớn, có vùng biển ấm, rộng lớn) ; miền Tây chủ yếu phát triển chăn nuôi gia súc lớn như cừu, ngựa (bởi có đồng cỏ trên vùng núi, cao nguyên).

GV cho HS thông báo kết quả làm việc và các HS khác nhận xét. GV cần bổ sung thêm cho HS về những khó khăn Trung Quốc gặp phải trong quá trình phát triển nông nghiệp mà phần cuối bài đề cập đến. GV có thể cung cấp thêm những thông tin mới về những vấn đề này.

Mục III. Quan hệ Trung Quốc – Việt Nam

Hoạt động 3 : Tìm hiểu quan hệ Trung Quốc - Việt Nam

GV có thể cho HS cả lớp đọc đoạn văn trong SGK và liên hệ thêm thực tế các hình thức hợp tác trao đổi giữa Trung Quốc với Việt Nam, tập trung vào các mối quan hệ kinh tế, văn hoá và cả thể thao... Sau đó, GV yêu cầu một vài HS báo cáo kết quả làm việc. GV có thể đề nghị HS nêu ý kiến cá nhân về những giải pháp tăng cường hợp tác giữa Trung Quốc và Việt Nam.

V. THÔNG TIN

– Trong nông nghiệp : Trước năm 1978, nền nông nghiệp của Trung Quốc vẫn còn mang tính tự phát. Hợp tác xã, công xã nhân dân đã được thành lập từ sớm,

song với cách quản lí tập trung, cứng nhắc trong sản xuất, không đảm bảo nguyên tắc tự nguyện của người nông dân nên hiệu quả sản xuất của công xã còn yếu kém. Người nông dân không được làm chủ thực sự trên mảnh đất của mình, lợi ích của họ chưa được chú trọng nên họ thiếu hăng hái sản xuất.

Sau năm 1978, Trung Quốc áp dụng biện pháp khoán, từ khoán việc đến khoán sản lượng, từ khoán nhóm sản xuất đến khoán hộ gia đình, từ thời gian 3 năm đến 15, 20, 30 thậm chí đến 50 năm, từ không cho phép thuê nhân công đến cho phép thuê công nhân,... đã giúp cho việc phát huy thế mạnh của nông nghiệp gia đình truyền thống với nguồn lao động dồi dào. Người nông dân được gắn với đồng ruộng, có thù lao xứng đáng đã hăng say lao động hơn, tận dụng mọi lực lượng lao động, công cụ sản xuất để làm ra của cải cho gia đình và đất nước. Bên cạnh đó, Trung Quốc tiếp tục hoàn thiện phương thức sản xuất tập thể theo nguyên tắc tự nguyện. Người nông dân thấy được cái lợi của việc tổ chức hợp tác xã khu (theo cụm dân cư), hợp tác cung tiêu (tập hợp vốn và thực hiện cung ứng, tiêu thụ ở nông thôn), hợp tác tín dụng (tổ chức trong lĩnh vực tiền tệ) nên đã tích cực tham gia. Trên cơ sở của hợp tác cung tiêu đã thành lập các hợp tác xã chuyên nghiệp như chuyên ngành trồng trọt, chăn nuôi, nghề cá, vận tải, chế biến... để hỗ trợ nhau trong các lĩnh vực sản xuất tạo hàng hoá cho thị trường tiêu thụ.

– Mức tăng trưởng GDP/năm trong quá trình cải cách kinh tế khá cao (8%) so với thế giới (trung bình khoảng 3 – 4%/năm).

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Trung Quốc diễn ra mạnh mẽ song cho tới nay (năm 2004), nông thôn Trung Quốc vẫn chiếm 63% số dân và nông nghiệp vẫn tạo công ăn việc làm cho 46,9% lao động (lao động trong ngành công nghiệp chiếm 22,5% và trong dịch vụ là 30,6%). Ngay trong nông nghiệp cũng đang diễn ra quá trình chuyển đổi từ trồng trọt sang chăn nuôi. Năm 1978, tỉ trọng ngành trồng trọt và chăn nuôi trong giá trị sản lượng nông nghiệp là 80% và 15%, đến năm 2004 tỉ lệ trên là 50% và 33,6% (còn lại do nghề rừng và nghề cá cung cấp). Bên cạnh những khó khăn như SGK đã nêu, có thể đề cập thêm một số khó khăn khác của nông nghiệp Trung Quốc như bình quân đất nông nghiệp trên đầu người thấp, nhiều vùng nông thôn công nghệ còn lạc hậu, đầu tư của nhà nước cho nông nghiệp giảm, giá nông sản cao nên khó cạnh tranh, hàng không bán được nên thu nhập của người nông dân giảm, gây nên sự chênh lệch giữa mức sống của người nông dân so với mức sống của người dân thành thị. Hiện nay, Trung Quốc tập trung chú ý hơn tới nông thôn, nông dân và ngành nông nghiệp.